TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

KHOA KINH TẾ CHÍNH TRỊ

MÔN: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN

Nhóm sinh viên thực hiện

Nguyễn Nam Anh

Nguyễn Việt Anh

Phùng Minh Chi

Nguyễn Thành Đạt

Ngô Hải Nam

Võ Chiến Thắng

Trần Phương Thảo

:

Lớp	:	QH-2021-E Kinh tế CLC 1
Mã học phần	:	212_PEC1008 7
Giảng viên hướng dẫn	:	TS. Nguyễn Thị Thùy Linh

Hà Nội – 2022

Đề bài: "Chung tay vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau". Cơ sở lý luận và thực tiễn ở Việt Nam.

I. CƠ SỞ LÝ LUẬN

1: Các quan niệm về đói nghèo

- Theo Wikipedia: mức sống thấp hơn so với mức sống của một quốc gia là nghèo và chia nghèo thành 2 dạng:
    - Nghèo tuyệt đối: Là tình trạng của một bộ phận dân cư không thể đáp ứng các nhu cầu tối thiểu như ăn, mặc, vệ sinh, giáo dục...
    - Nghèo tương đối: So với mức sống của cộng đồng địa phương, những người nghèo tương đối có mức sống thấp hơn.
- Theo Liên Hợp Quốc (UN): Nghèo đói là thiếu cơ hội để đáp ứng một cuộc sống có các tiêu chuẩn tối thiểu nhất định. [1]
- Theo Ngân hàng Thế giới: Người nghèo là những người có thu nhập ít hơn 1USD mỗi ngày, Ngân hàng Thế giới cho rằng 1 USD là số tiền tối thiểu để có thể chi trả cho nhu yếu phẩm tất yếu để tồn tại. [2]
- Thừa nhận khái niệm được trình bày trong Hội nghị chống đói nghèo châu Á - Thái Bình Dương (9/1993), quan niệm nghèo của Việt Nam là tình trạng một bộ phận dân cư không được đáp ứng các nhu cầu cơ bản của con người. Các nhu cầu cơ bản được xã hội thừa nhận theo trình độ kinh tế xã hội và tập quán địa phương.

- Dù có rất nhiều quan niệm về khái niệm của đói nghèo, song nhìn chung các quan niệm đó đều thừa nhận các khía cạnh: *Thiếu thốn các điều kiện hoặc hiếm được hưởng thụ các nhu cầu tối thiểu trong cuộc sống, có mức sống kém mức trung bình của với cộng đồng dân cư địa phương, hoặc không có cơ hội để có thể gia nhập quá trình phát triển cộng đồng.*

2: Nguyên nhân của đói nghèo:

Nghèo đói là một hiện tượng xã hội có tính lịch sử, hình thành trong quá trình phát triển của kinh tế xã hội của tất cả các quốc gia. Nhằm xóa đói giảm nghèo một cách hiệu quả, cần xác định rõ nguồn gốc của hiện tượng này ở từng địa phương, vùng miền, quốc gia.

- Nguyên nhân chủ quan:
    - Chủ quan của bản thân người nghèo: do trình độ dân trí, học vấn thấp, không có kinh nghiệm, kỹ năng làm ăn, kinh doanh; không biết cách tính toán chi tiêu, lãng phí; lười biếng, tham gia vào các tệ nạn xã hội; do mắc phải dị tật bẩm sinh, tai nạn, không có khả năng lao động...
    - Chủ quan do các cấp chính quyền: do sự thiếu năng lực, trình độ chuyên môn, thiếu hiểu biết, kinh nghiệm để có thể quản lý, quan tâm và hỗ trợ người nghèo cải thiện cuộc sống của các cấp chính quyền.
- Nguyên nhân khách quan:
    - Do điều kiện tự nhiên: khí hậu, thời tiết không thuận lợi, thiên tai (bão lũ, động đất…); do đất đai cằn cỗi, địa hình, đồi núi hiểm trở nên khó canh tác; dịch bệnh bất ngờ...
    - Do xuất phát điểm từ một nền kinh tế kém phát triển: do sự yếu kém về cơ sở hạ tầng tối thiểu (như giao thông, thủy lợi, thông tin, điện nước...), chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường cũng như nhu cầu sản xuất.

Tuy nhiên thực tế đã chứng minh là không chỉ có một nguyên nhân biệt lập mà có thể gây nên tình trạng nghèo kinh niên hay trên diện rộng. Mà đó còn là sự đan xen, kết hợp giữa các yếu tố khách quan và chủ quan đã nêu trên.

3. Lý luận về xóa đói giảm nghèo

Giảm nghèo là một phạm trù mang tính tương đối và lâu dài, bởi vì nghèo vẫn luôn tồn tại trong xã hội do sự khác biệt về năng lực, thể chất, thu nhập, địa vị xã hội… giữa các cá nhân với nhau. Nói cách khác là có thể xóa được đói, nhưng không thể xóa được nghèo tuyệt đối mà chỉ có thể giảm nghèo.

Đường lối, chính sách của Đảng ở Việt Nam dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh về việc xóa đói giảm nghèo và xuất phát từ lời căn dặn của chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1945: phải làm cho mọi người ai cũng được ăn no, mặc ấm, ai cũng được học hành. Năm 1946 Việt Nam đã có công cuộc "chống giặc đói", giai đoạn xóa đói giảm nghèo đã được xã hội quan tâm, Đảng và Nhà nước đã nhanh chóng đưa ra các giải pháp giải quyết, tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ sản xuất, góp phần tăng thu nhập, giảm nghèo và khuyến khích làm giàu.

Giảm nghèo cũng là một biểu hiện mạnh mẽ của cam kết vững chắc của Đảng và Nhà nước Việt Nam với cộng đồng quốc tế nhằm thực hiện các mục tiêu của Tuyên bố Thiên niên kỷ. Chính phủ Việt Nam đã và đang tập trung phân luồng và ưu tiên nguồn lực để thực hiện tốt mục tiêu xóa đói, giảm nghèo. Nội dung, giải pháp của từng giai đoạn tuy khác nhau nhưng đều hướng tới mục tiêu chung là nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội.

4. Tính tất yếu và vai trò của xóa đói giảm nghèo đối với phát triển kinh tế xã hội

a) Tính tất yếu của xóa đói giảm nghèo trong quá trình phát triển kinh tế xã hội

Theo K.Marx: quá trình tích lũy tư bản chính là quá trình phân cực của xã hội tư bản: sự giàu có của giai cấp tư bản và sự bần cùng của người lao động. Bằng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, giai cấp tư bản ngày càng ra sức bóc lột các lao động làm thuê để thu được nhiều giá trị thặng dư nhất. Trên cơ sở công nhân ngày một ít hơn nên tất yếu sẽ xảy ra tình trạng thừa lao động, khiến một bộ phận công nhân bị mất việc làm, không có thu nhập dẫn đến nghèo đói và dễ dẫn đến mất ổn định chính trị, xã hội… Do đó để xã hội phát triển cân đối thì cần phải xóa đói giảm nghèo.

Trong nền kinh tế thị trường, các vấn đề đói nghèo và công bằng xã hội được giải quyết bởi chính phủ chứ không phải do các chủ thể kinh tế thực hiện. Chính phủ các quốc gia phải can thiệp vào thị trường để điều tiết nền kinh tế theo các tiêu chuẩn và mục tiêu phát triển cụ thể. Điều này đảm bảo công bằng xã hội và giảm khoảng cách giàu nghèo. Thông qua sự điều tiết chung của nền kinh tế quốc dân, nhà nước có thể điều chỉnh thu nhập của những người giàu có, tăng thu nhập của những người yếu thế và có trình độ tay nghề kém, tạo cơ hội để cùng phát triển vươn lên thoát nghèo. Đó cũng chính là động lực của sự tăng trưởng và phát triển, đồng thời cũng là một đòi hỏi không thể thiếu của yêu cầu phát triển bền vững.

b) Vai trò của xóa đói giảm nghèo trong phát triển kinh tế- xã hội

Thứ nhất xóa đói giảm nghèo góp phần ổn định chính trị, xã hội. Vì bộ phận dân cư nghèo thường là những người ít có điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, cơ sở hạ tầng, thông tin liên lạc nên hiểu biết và nhận thức còn hạn chế, dễ tự ti, mặc cảm và dễ bị

kẻ xấu lợi dụng. Xóa đói giảm nghèo đã nâng cao trình độ nhận thức, trình độ dân trí, hỗ trợ các dịch vụ thiết yếu, thông tin liên lạc để người dân hiểu biết chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Xóa đói giảm nghèo giúp nhóm dân cư nghèo gần gũi, hòa nhập cộng đồng, yên tâm lao động sản xuất đồng thời chủ động đấu tranh với các phần tử xấu lợi dụng kích động gây mất ổn định chính trị, xã hội.

Thứ hai xóa đói giảm nghèo giúp cho bộ phận dân cư nghèo nhận thức được việc phát triển KT-XH là mục tiêu phấn đấu của tất cả mọi người thuộc mọi tầng lớp dân cư. Phát triển KT-XH là nhiệm vụ của toàn dân tộc không kể giàu nghèo, địa vị, sắc tộc… Người nghèo cũng phải có trách nhiệm gánh vác trách nhiệm theo khả năng của mình. Nên giáo dục, đào tạo, tuyên truyền để người nghèo có kiến thức làm ăn, làm giàu để thoát nghèo. Đây là một trong những phương pháp xóa đói giảm nghèo quan trọng và hữu hiệu nhất. Để người nghèo chủ động tham gia trực tiếp vào các hoạt động sản xuất kinh doanh, làm giàu nhằm xóa bỏ tư tưởng ỷ lại trông chờ vào sự giúp đỡ của nhà nước, của cộng đồng ở không ít bộ phận hộ nghèo hiện nay. Điều này sẽ dẫn đến sự vận động tích cực và chủ động vì trách nhiệm của công dân, vì sự phát triển kinh tế - xã hội và vì chính bản thân họ. Ở nước ta, quyền bình đẳng để có cơ hội sản xuất, kinh doanh cũng là quyền cơ bản đã được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Thứ ba trình độ văn hóa và chất lượng của nguồn nhân lực là tiền đề quan trọng quyết định quá trình phát triển KT-XH. Ở Việt Nam, người nghèo có mật độ cao hơn trong khu vực canh tác nông nghiệp, miền núi và đang chiếm tỷ lệ khá cao. Đây là một trong những lực lượng lao động dồi dào nhưng lại có trình độ thấp, tay nghề hạn chế, kinh nghiệm không đáp ứng được đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển KT-XH hiệu quả, bền vững. Hiện nay hầu hết các quốc gia đều đã áp dụng khoa học công nghệ vào phát triển KT-XH. Việt Nam cũng không thể không áp dụng những tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến của thế giới trong con đường phát triển của mình. Xóa đói giảm nghèo có vai trò đào tạo cho bộ phận dân cư nghèo hiểu biết, nâng cao tay nghề, kinh nghiệm, giúp họ tiếp cận với những thành tự khoa học công nghệ nhằm thúc đẩy tiềm năng của người nghèo. Từ đó, áp dụng khoa học công nghệ trên quy mô diện rộng, thực hiện đầu tư theo chiều sâu, tạo ra năng suất chất lượng cao hơn cho quá trình phát triển KT-XH.

II: CƠ SỞ THỰC TIỄN

1: Công tác xóa đói giảm nghèo

a) Hoàn cảnh lịch sử Việt Nam trước năm 1986

Trải qua hai cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm khốc liệt và kéo dài suốt 30 năm, kinh tế Việt Nam trở nên kiệt quệ do sự tàn phá của chiến tranh, nhân dân ta vừa phải đối mặt với kháng chiến, vừa phải phát triển kinh tế trong giai đoạn nghèo khổ. Tỷ lệ đói nghèo của nước ta những năm 1945-1975 đạt ở mức cao. Giai đoạn 1976-1985, Việt Nam đã chuyển hướng sang nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung – hành chính - bao cấp. Tuy vẫn tăng trưởng nhưng trên thực tế do bị cấm vận và do sự quản lý thiếu hiệu quả của Nhà nước thì kinh tế Việt Nam trong giai đoạn này tăng trưởng kém, tình trạng lạm phát ngày một cao khiến nhân dân vẫn chưa thể giải quyết được tình trạng khó khăn, thiếu thốn.

b) Kinh tế Việt Nam trong quá trình đổi mới

Thực tế đã chứng minh cơ chế trước đó của Việt Nam không còn phù hợp với tình hình lúc bấy giờ của đất nước. Thực tiễn đòi hỏi nền kinh tế phải chuyển đổi sang nền cơ chế thị trường mới.

Từ năm 1986, thực hiện chính sách đổi mới đất nước, chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường trong lĩnh vực nông nghiệp, chúng ta đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Đến năm 1995, hầu hết các mục tiêu chủ yếu của Kế hoạch 5 năm (1991-1995) đã đạt được vượt mức, sự nghiệp đổi mới bước đầu thành công, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế và là điều kiện then chốt để chuyển từ khủng hoảng kinh tế sang thời kỳ phát triển mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa xã hội. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của 10 năm (1990 – 2000) đạt 7,5%.

Trong giai đoạn 2006-2010, nền kinh tế nước ta đã vượt qua nhiều khó khăn và thách thức. Với nền kinh tế vĩ mô ổn định, tốc độ tăng trưởng khá, tiềm năng và quy mô của một nền kinh tế đang phát triển nhanh, Việt Nam đã bước ra khỏi tình trạng kém phát triển vào thời điểm đó. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt 7%, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 đạt 101,6 tỷ USD (gấp 3,26 lần năm 2000).

Giai đoạn 2011 - 2020, kinh tế vĩ mô duy trì ổn định vững chắc, kiểm soát được lạm phát và duy trì ở mức thấp, tạo môi trường và thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Giai đoạn 2011 - 2015, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt bình quân 5,9%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt 6,8%/năm[3]. Trong 10 năm từ 2010 đến 2020, dự trữ ngoại hối tăng từ 12,4 tỉ USD lên 80 tỉ USD.

Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xóa đói giảm nghèo, Đảng và Nhà nước ta đã chỉ đạo thực hiện xóa đói, giảm nghèo bằng các chính sách và phong trào. Năm 1998, xoá đói giảm nghèo trở thành chủ trương quan trọng đầu tiên trong hệ thống chính sách xã hội của đất nước. Kể từ đó, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn trong việc xóa đói giảm nghèo. Tỷ lệ nghèo của Việt Nam đã giảm trung bình 2-3% hàng năm (1992-1998). Tính đến cuối năm 2010, tỷ lệ hộ nghèo của Việt Nam là 9,45%, vượt mục tiêu 10%.[4]

Ngoài tiến độ xóa đói giảm nghèo, nước ta vẫn còn một số hạn chế. Đó là tỷ lệ tái nghèo vẫn ở mức cao. Ngoài ra, còn có bất bình đẳng về thu nhập. So với thu nhập bình quân

chung của cả nước, thu nhập của đồng bào dân tộc thiểu số chỉ bằng 1/6. Nhiều chính sách, biện pháp giảm nghèo ở một số nơi chưa được thực hiện đầy đủ, còn nhiều điểm yếu và thiếu linh hoạt.

2: Phong trào "Chung tay vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau".

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII đã chỉ rõ mục tiêu trong giai đoạn 2016- 2020, tỉ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1-1,5%/năm với nhiệm vụ đẩy mạnh giảm nghèo bền vững, nhất là những địa phương đặc biệt khó khăn, có chính sách đặc thù để giảm nghèo nhanh hơn trong đồng bào dân tộc thiểu số, đề cao các biện pháp tạo điều kiện, khuyến khích hộ nghèo, cận nghèo cố gắng vươn lên thoát nghèo bền vững. [5]

Thủ tướng đã bày tỏ quan điểm về việc khắc phục triệt để vấn đề này, đó là bày tỏ lòng kính trọng và khuyến khích những gia đình nghèo khó vươn lên, không chỉ cho họ mãi mãi mà phải thể hiện tinh thần "cho cần câu chứ không cho con cá" để mọi người cố gắng thoát nghèo.

Bên cạnh đó, Thủ tướng cũng chính thức thay mặt Chính phủ và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương phát động phong trào thi đua giai đoạn 2016-2020 với chủ đề "Cả nước chung tay vì người nghèo – không để ai bị bỏ lại phía sau".

a) Giai đoạn 2017-2020

* Mục tiêu:

- Góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo của cả nước bình quân 1% - 1,5% /năm (riêng xóm nghèo, xã nghèo giảm 4% /năm; hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm 3% - 4% /năm), theo chuẩn nghèo của giai đoạn 2016 - 2020;

- Xây dựng, mở rộng sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, bảo đảm thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo cả nước đến cuối năm 2020 cao gấp 1,5 lần so với cuối năm 2015 (riêng hộ nghèo khu vực nông thôn, xóm nghèo, xã nghèo, thôn đặc biệt khó khăn, hộ nghèo là người dân tộc thiểu số nhân hệ số 2);

- Thống nhất các cơ chế, chính sách giảm nghèo hiệu quả nhằm cải thiện điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận của người nghèo với các dịch vụ xã hội cơ bản;

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở các xóm nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn được quan tâm đầu tư đồng bộ theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là cơ sở hạ tầng cơ bản như giao thông, trường học, trạm y tế, thủy lợi nhỏ, nước sinh hoạt; tạo điều kiện để người dân cùng tham gia thực hiện các hoạt động của chương trình nâng cao thu nhập thông qua tạo việc làm công nhằm phát huy hiệu quả đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu, góp phần giảm thiểu rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, cải thiện thị trường. [7]

* Kết quả đạt được:

- Qua gần 4 năm triển khai chương trình (từ năm 2017 đến tháng 9/2020), đã có đông đảo các doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân ủng hộ trên 16.410 tỷ đồng qua Quỹ "Vì người nghèo" và an sinh xã hội.

- Từ nguồn vốn vận động trên, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã hỗ trợ người nghèo xây dựng và sửa chữa được 127.427 căn nhà Đại đoàn kết, giúp đỡ hàng trăm nghìn người nghèo có điều kiện phát triển sản xuất; 1.376.245 lượt học sinh được giúp đỡ về học tập; giúp đỡ 4.280.921 lượt người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được khám chữa bệnh; xây dựng hàng ngàn công trình dân sinh cầu đường, lớp học, trạm xá, khám chữa bệnh, nhà sinh hoạt cộng đồng...) và các hỗ trợ khác giúp đỡ cho người nghèo. [8]

- Giai đoạn 2016 - 2020, tỷ lệ nghèo cả nước giảm từ 9,88% (2015) xuống còn 5,23% (2018), bình quân mỗi năm giảm 1,55% đạt và vượt mục tiêu Quốc hội đề ra; tỷ lệ nghèo ở các huyện nghèo giảm bình quân 5,5%/năm, vượt mục tiêu (giảm 4%); các xã đặc biệt khó khăn giảm từ 3-4% trở lên mỗi năm, đạt mục tiêu.

* Hạn chế:

- Tuy nhiên, kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, tỷ lệ hộ nghèo, tái nghèo phát sinh còn cao do ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt, hạn hán; một số người nghèo còn tư tưởng trông chờ, lười biếng, ỷ lại vào trợ cấp của Nhà nước và cộng đồng; một số chính sách giảm nghèo còn dàn trải, chưa có sự tập trung; nguồn lực chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực tế, việc bố trí vốn chủ yếu tập trung vào cơ sở hạ tầng, chưa chú trọng đến phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân.

- Một số xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo đạt chuẩn nông thôn mới, tuy nhiên đời sống người dân trên địa bàn vẫn còn khó khăn, nhiều xã vẫn có tâm lý không muốn thoát nghèo, vẫn mong muốn được tiếp tục được hỗ trợ đầu tư từ Chương trình số 135, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và người dân trên địa bàn tiếp tục được hưởng một số chính sách khác như hỗ trợ bảo hiểm y tế, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang theo Nghị định số 116/NĐ-CP.

b) Giai đoạn 2021-2025:

* Mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát:

+ Giảm nghèo ở nhiều khía cạnh, toàn bộ, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo.
+ Giúp đỡ, tương trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, củng cố chất lượng cuộc sống.

+ Hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo và đặc biệt khó khăn.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1-1,5%/năm.
+ Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm >3%/năm.
+ Giúp 30% huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng khó khăn.

3: Đánh giá chung về phong trào

Phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau" đã nhận được những hưởng ứng, đóng góp tích cực của toàn xã hội. Trong thời gian tới, các cấp, các ngành phát huy và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp để thực hiện hiệu quả Chương trình giảm nghèo và phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau"; tập trung xây dựng và thực hiện hiệu quả Đề án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên phạm vi cả nước, đặc biệt là các vùng có hoàn cảnh khó khăn và đặc biệt khó khăn. Từ cơ sở lý luận dựa trên chủ nghĩa Mác Lê-nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước đã có những chính sách phù hợp trong việc xóa đói giảm nghèo, nổi bật là phong trào "Chung tay vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau" đã có bước đầu thành công trong giai đoạn 2017-2020, tuy còn tồn tại những hạn chế nhưng sẽ được khắc phục kịp thời trong giai đoạn 2021-2025. Không chỉ thể hiện tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách của nhân dân ta mà phong trào thi đua trên còn thể hiện một dân tộc đoàn kết– Không để ai bị bỏ lại phía sau. Đây là những đức tính quý báu được truyền qua hàng nghìn năm lịch sử của nhân dân ta, góp phần tạo nên dấu ấn riêng của dân tộc người Việt Nam. Ngoài ra dưới sự lãnh đạo của Đảng, những kết quả tích cực mà phong trào mang lại sẽ thu dần khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư cũng như giảm tỉ lệ đói nghèo của nước ta. Đây là mục tiêu quan trọng và lâu dài mà nước ta đã, đang và sẽ phải thực hiện trong công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước.

Tài liệu tham khảo:

[1]: Tuyên bố Liên Hợp quốc, tháng 06/2008.

[2]: Video of WorldBank on Feb, 02 2022.

[3]: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng (Tài liệu sử dụng tại Đại hội Đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương),* tháng 4/2020, tr.84, 85.

[4]: Báo Hà Nội Mới.

[5]: Tiêu chí xã hội, Đại hội Đảng lần thứ XII, 2016.

[6]: Hội nghị triển khai chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

[7]: Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

[8]: Báo Công đoàn đường sắt Việt Nam.

[9]: Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Đại học Kinh tế-ĐHQGHN.

